

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2019/DS-ST
Ngày: 23/12/2019
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thạch**.

2. Bà **Lê Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Hiệp Uyên T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà B, đường Q, Khu phố X, Phường Y, thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lưu Hoàng S**, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà C, đường G, Khu phố X1, Phường Y1, thành phố N, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/8//2019) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà A, ấp T, xã K, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019 của nguyên đơn và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lưu Hoàng S trình bày:***

Ngày 03/4/2019 âm lịch, bà C vay của bà T số tiền 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) để đăng hui cho hui viên vì bà C làm chủ hui, có giấy mượn tiền ghi ngày 03/4/2019 âm lịch do bà C trực tiếp viết cho bà T. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng nhưng cho đến nay, bà C không có trả tiền lãi và tiền gốc cho bà T.

Ngoài ra, bà C còn vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để cho con của bà C có vốn làm ăn. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng bà C không có khả năng trả tiền lãi nên ngày 03/7/2019 dương lịch, bà C trực tiếp viết giấy mượn tiền cho bà T với nội dung có vay của bà T số tiền gốc là 100.000.000 đồng và xin phần tiền lãi, hẹn trả gốc hàng tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau ngày 03/7/2019 dương lịch cho đến nay thì bà C tránh né, bà T đã tìm kiếm bà C nhiều lần để yêu cầu trả nợ nhưng không được.

Tổng cộng bà C nợ bà T số tiền gốc là 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Nay bà T yêu cầu bà C trả tổng số tiền gốc là 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn là bà C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa, ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà T cung cấp được các giấy mượn tiền ngày 03/4/2019 âm lịch và ngày 03/7/2019 dương lịch có chữ ký của bà C, thể hiện bà C có nợ bà T tổng số tiền 176.000.000 đồng. Đối với lãi suất, phía bà T trình bày lãi suất 3%/tháng nhưng trong các giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất nên không xác định được mức lãi suất, do đó áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tính lãi 10%/năm tương đương 0,83%/tháng và thời gian tính lãi của khoản vay 76.000.000 đồng là từ ngày 03/4/2019 âm lịch, khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 03/7/2019 dương lịch. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lưu Hoàng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S, bà C là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu bà C trả tổng số tiền vay gốc là 176.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Phan Hiệp Uyên T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền gốc 176.000.000 đồng thấy rằng:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản chính hai giấy mượn tiền có nội dung thể hiện bà C có vay tiền của bà T tổng cộng là 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng), có chữ ký của bà C, cụ thể: Ngày 03/4/2016 âm lịch vay 76.000.000 đồng; ngày 03/7/2019 dương lịch vay 100.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định việc vay tiền giữa bà C với bà T là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy bà C đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và không có đưa ra chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà T yêu cầu bà C trả tổng số tiền gốc 176.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của bà T, thấy rằng:

Nguyên đơn trình bày khoản vay 76.000.000 đồng và 100.000.000 đồng đều có mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 3%/tháng. Theo giấy mượn tiền ngày 03/4/2019 âm lịch của khoản vay 76.000.000 đồng thì nội dung có ghi “*lãi suất thỏa thuận*” nhưng không thể hiện mức lãi suất cụ thể bao nhiêu, trong trường hợp này các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, lãi suất được xác định là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng.

Đối với giấy mượn tiền ngày 03/7/2019 dương lịch của khoản vay 100.000.000 đồng thì nội dung có ghi “*xin phần tiền lời, để hẹn trả vốn hàng tháng*” nên trường hợp này được xác định là vay không có lãi và có thời hạn, do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì tiền lãi được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng.

Khoản vay 76.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 03/4/2019 âm lịch (nhằm ngày 07/5/2019 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/12/2019 dương lịch) là 07 tháng 16 ngày, tiền lãi được tính như sau: $0,83\% \times 76.000.000$

đồng x 07 tháng 16 ngày = 4.752.026 đồng, được làm tròn là 4.752.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Khoản vay 100.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 03/7/2019 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/12/2019 dương lịch) là 05 tháng 20 ngày, tiền lãi được tính như sau: $0,83\% \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 4.703.333 \text{ đồng}$, được làm tròn là 4.703.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm lẻ ba nghìn đồng).

Do đó, cần buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà T tiền gốc 176.000.000 đồng và tiền lãi 9.455.000 đồng, tổng cộng là 185.455.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là $185.455.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.272.750 \text{ đồng}$.

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hiệp Uyên T đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Phan Hiệp Uyên T số tiền gốc 176.000.000 đồng và tiền lãi 9.455.000 đồng, tổng cộng là 185.455.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 9.272.750 đồng (Chín triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho bà Phan Hiệp Uyên T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013742 ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu